

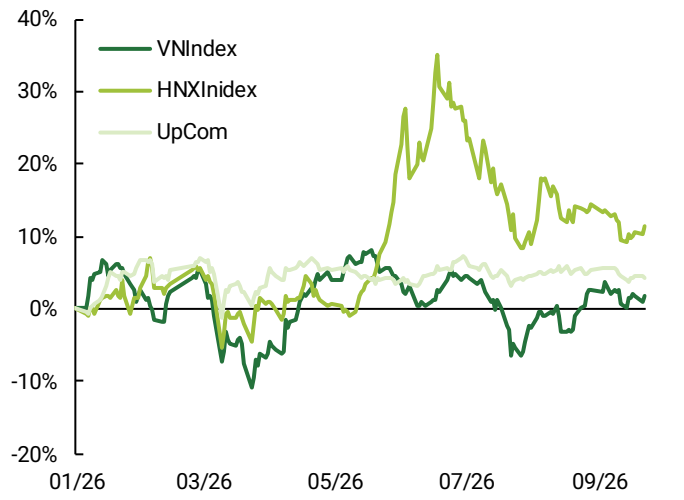
VN-Index **1816.93 (0.96%)**
603 Tr. cổ phiếu 13081.6 Tỷ VND (-25.01%)

HNX-Index **276.93 (0.93%)**
43 Tr. cổ phiếu 650.1 Tỷ VND (-14.50%)

UPCOM-Index **126.13 (-0.17%)**
20 Tr. cổ phiếu 387.2 Tỷ VND (-26.55%)

VN30F1M **1962.90 (0.71%)**
258,176 HD OI: 28,365 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1816.9, tăng +17.3 điểm (+0.96%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên mua. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với thị trường, song, thanh khoản sụt giảm mạnh cho thấy lực cầu mua lên vẫn thận trọng. Động lực dẫn dắt thuộc về nhóm Vin, trong khi nhóm Ngân hàng gây sức ép giảm điểm.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: PDR (+2.2%), HDC (+3.1%), VIC (+3.7%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (+1.5%), SAB (+1.8%), MSN (+3.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (+4.6%), PVP (+6.9%), GEE (+6.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: NT2 (+0.7%), REE (+0.8%), POW (+2.0%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: SSB (-6.9%), ACB (-1.8%), VPB (-1.6%) | Dầu khí: PVD (-1.0%), PLX (-0.9%), BSR (-0.6%) | Du lịch và Giải trí: VJC (-1.5%), HVN (-0.5%) | Bảo hiểm: BVH (-1.1%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, MSN, GEE, VNM - Chiều giảm | SSB, VPB, ACB, VJC, MBB.
- Khối ngoại Mua ròng gần 60 tỷ đồng, tập trung nhiều ở SBT, MCH, VIC, trong khi bán ròng TCB, VHM, VPB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** lấy lại sắc xanh, song thanh khoản sụt giảm mạnh chưa xác nhận cho động lực mua lên. Đà tăng chủ yếu được nâng đỡ bởi nhóm Vin, trong khi dòng tiền tiếp tục phân hóa. Về mặt kỹ thuật, chỉ báo MACD chưa thể cắt lên đường signal, cùng RSI hạ nhiệt về gần mức trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu. Sau khi thất bại tại vùng cản 1840 điểm, chỉ số nhiều khả năng cần thêm thời gian tích lũy quanh vùng 1800 điểm để tái tạo lại đà. Ngưỡng 1775 điểm đóng vai trò hỗ trợ duy trì xu hướng, trong khi 1840 điểm vẫn là ngưỡng kỹ thuật cần vượt qua để xác nhận đà tăng.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số bước đầu thất bại trong nỗ lực vượt cản 280. Đây vẫn là ngưỡng kỹ thuật quan trọng để mở ra kỳ vọng tiếp diễn quán tính tăng. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- Chiến lược:** Nhà đầu tư nên quản trị danh mục theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu trước bối cảnh phân hóa. Nếu xuất hiện mã sập gãy, có thể tận dụng nhịp hồi để hạ bớt vị thế. Ngược lại, với những cổ phiếu vẫn giữ được các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, chỉ phù hợp khẩu vị rủi ro cao và ưu tiên giao dịch ngắn hạn theo dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiêu dùng, Dầu khí, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi BVH (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
	Giá đóng cửa	(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,816.9 	1.0%	0.3%	2.8%	13,081.6 	-25.0%	-22.0%	-28.8%	602.9 	-16.0%	-6.6%	-23.1%
HNX-Index	276.9 	0.9%	1.0%	-2.5%	650.1 	-14.5%	-11.9%	-42.2%	43.3 	0.6%	2.7%	-39.6%
UPCOM-Index	126.1 	-0.2%	0.5%	-1.1%	387.2 	-26.6%	-0.9%	-20.3%	20.2 	-35.5%	-16.9%	-46.8%
VN30	1,965.4 	0.6%	0.7%	1.9%	6,792.0 	-42.1%	-32.5%	-32.7%	191.0 	-46.0%	-35.0%	-42.6%
VNMID	1,886.9 	0.9%	1.3%	-3.6%	5,002.2 	8.7%	-8.3%	-29.0%	271.7 	15.2%	-2.7%	-26.1%
VNSML	1,235.0 	0.5%	0.8%	-2.3%	884.3 	24.6%	3.0%	-7.8%	58.3 	15.7%	4.4%	-20.0%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	633.8 	-0.3%	0.15%	0.4%	3,897.9 	-35.6%	-29.6%	-16.0%	193.1 	-27.9%	-20.7%	-5.7%
Bất động sản	1,029.1 	2.9%	0.1%	10.8%	1,578.6 	-50.8%	-51.4%	-47.5%	61.1 	-26.7%	-31.3%	-27.3%
Dịch vụ tài chính	271.7 	0.8%	0.6%	-6.7%	1,447.6 	-25.6%	-32.8%	-23.6%	88.8 	-16.0%	-27.2%	-16.8%
Công nghiệp	232.4 	2.6%	3.6%	-1.0%	1,160.9 	59.6%	17.3%	43.7%	46.3 	66.4%	15.6%	42.3%
Tài nguyên cơ bản	467.1 	0.2%	-0.3%	-2.6%	275.4 	-47.2%	-46.6%	-44.1%	15.7 	-44.3%	-43.5%	-41.7%
Xây dựng - Vật Liệu	153.9 	1.0%	1.5%	-3.5%	457.7 	38.2%	28.3%	29.3%	25.5 	18.3%	11.1%	14.3%
Thực phẩm	498.1 	1.2%	1.2%	-0.9%	1,237.3 	3.7%	3.1%	37.3%	27.7 	-17.8%	-2.3%	21.5%
Bán Lẻ	1,396.6 	0.8%	4.2%	-3.0%	475.4 	4.2%	-12.5%	-5.4%	7.3 	8.9%	-14.9%	-7.6%
Công nghệ	393.8 	0.4%	0.7%	1.4%	468.5 	-27.6%	-37.5%	-15.1%	11.1 	9.4%	-9.0%	10.7%
Hóa chất	169.4 	0.2%	2.5%	1.6%	272.2 	-23.9%	-26.1%	-20.3%	12.5 	-28.7%	-20.0%	-5.3%
Tiện ích	780.6 	0.2%	-1.4%	2.5%	213.4 	-39.7%	-33.7%	-23.5%	10.3 	-21.1%	-13.0%	-8.9%
Dầu khí	120.7 	-0.7%	1.4%	10.7%	674.1 	-8.0%	-27.28%	12.3%	23.1 	-6.3%	-27.4%	7.8%
Dược phẩm	392.6 	1.0%	1.8%	1.0%	166.4 	-26.7%	-5.1%	121.7%	4.0 	-42.5%	-26.1%	38.4%
Bảo hiểm	108.4 	-1.0%	-0.3%	4.8%	69.4 	-6.8%	1.0%	62.7%	1.1 	-11.7%	-4.9%	36.6%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,816.9	0.96%	1.8%	13.8x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,604	0.40%	27.4%	15.2x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,277	-1.69%	-27.4%	13.9x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,514	0.93%	1.7%	15.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,815	-0.50%	-3.9%	8.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,952	0.06%	-0.4%	17.0x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,088	0.18%	-2.1%	12.3x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,019	-	29.2%	20.7x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,765	1.49%	13.4%	26.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	52,049	0.71%	8.3%	22.7x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,752	0.12%	8.3%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,346	0.44%	9.6%	17.2x	2.5x
DXV		100.4	0.21%	2.2%		
USDVND		26,015	-0.023%	-1.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

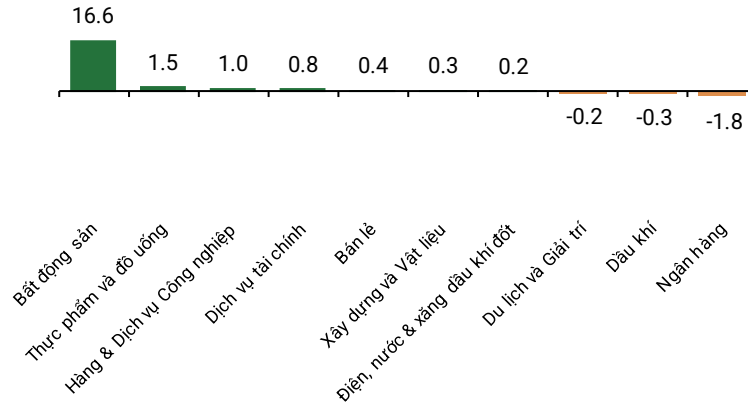
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.58%	4.6%	62.3%	48.3%
Dầu WTI	▼	-2.28%	7.5%	63.0%	49.4%
Khí gas	—	0.3%	2.6%	-22.8%	1.4%
Than cốc (*)	—	0.0%	26.6%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	—	0.1%	0.9%	1.4%	-3.6%
PVC (*)	—	0.5%	2.5%	3.7%	-3.7%
Phân Urea	—	0.0%	20.0%	27.0%	18.5%
Cao su thiên nhiên	▲	1.6%	3.9%	34.4%	40.6%
Bông Cotton	▼	-0.9%	-9.1%	23.2%	23.1%
Đường	—	0.2%	-0.6%	16.7%	14.8%
World Container Index	—	0.0%	-0.6%	103.4%	135.2%
Baltic Dirty tanker Index	▲	3.9%	69.5%	286.1%	351.4%
Vàng	▼	-0.20%	-5.8%	0.4%	15.7%
Bạc	▼	-0.21%	-4.5%	-8.0%	49.6%

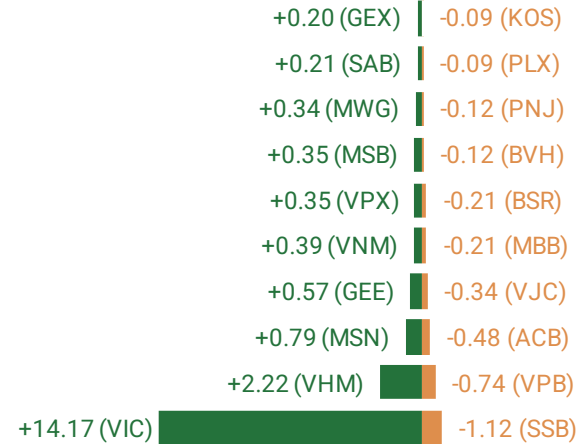
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

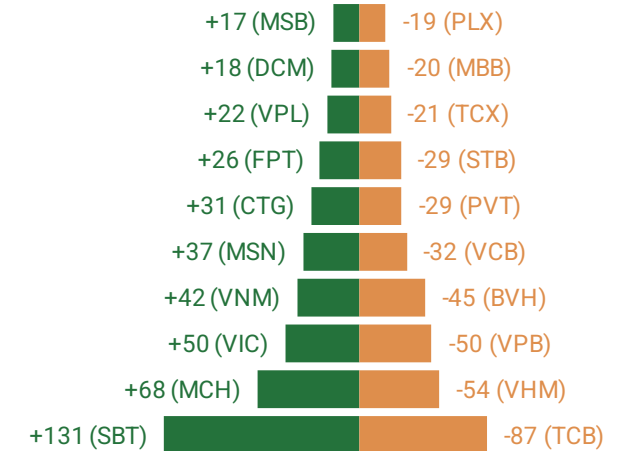


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

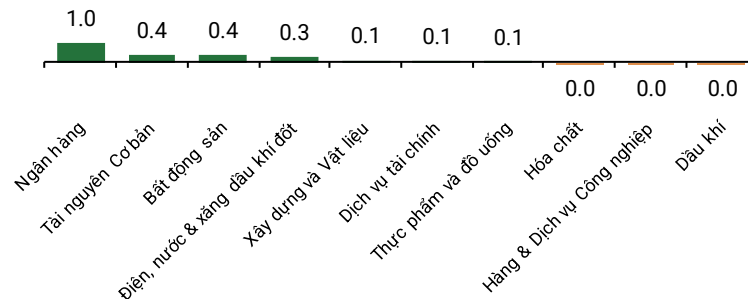


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

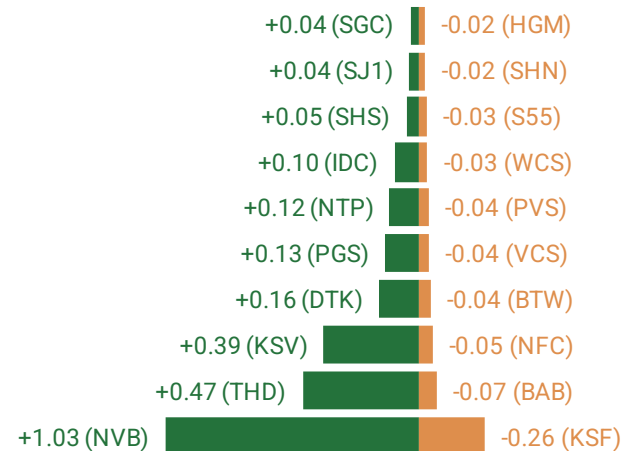
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



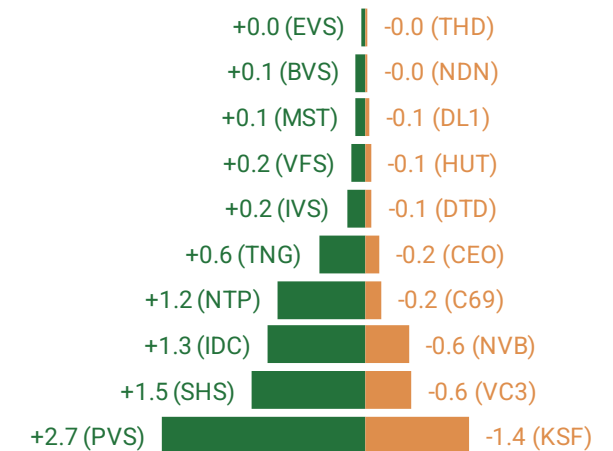
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	MSN	VHM	VPB	VIC	TCB
%DoD	3.8%	1.9%	-1.6%	3.7%	0.2%
Giá trị	627	507	453	362	360

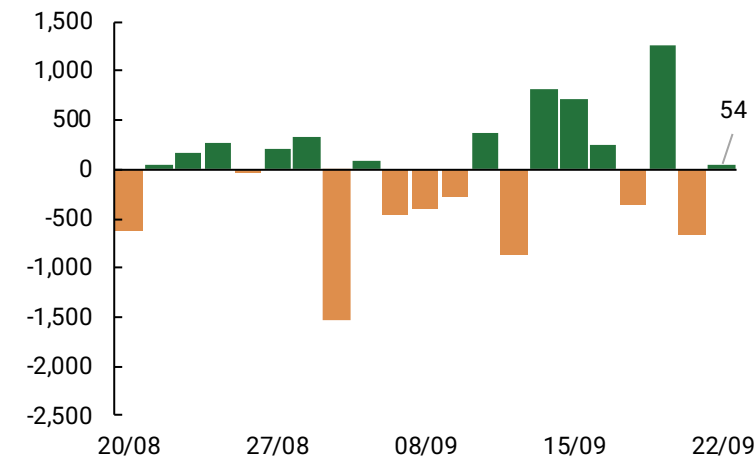
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIX	SSB	GEX	OCB	EIB
%DoD	2.0%	-6.9%	3.2%	0.0%	1.5%
Giá trị	340	287	212	206	171

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



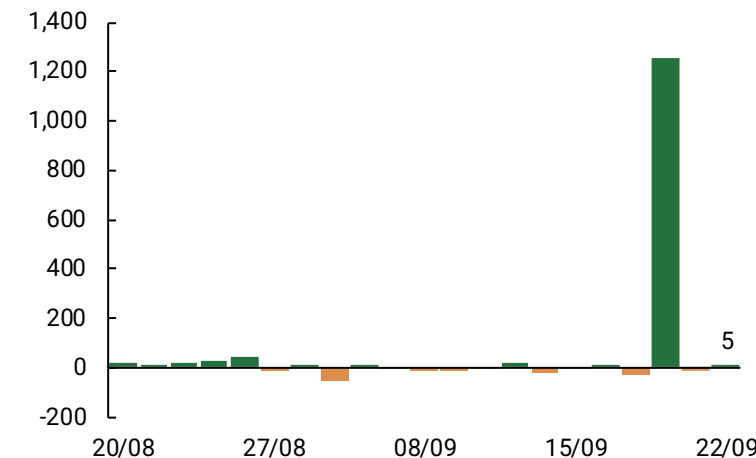
	PVS	IDC	SHS	CEO	VC3
%DoD	-0.3%	1.2%	0.7%	0.9%	0.4%
Giá trị	124	66	61	40	36

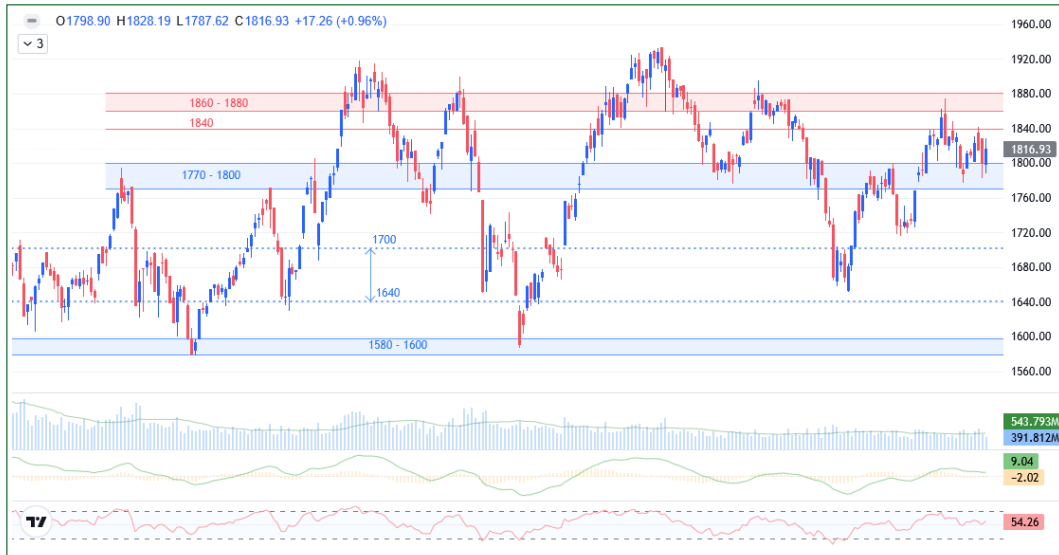
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	VIT	PPT	PVS	ADC
%DoD	0.0%	-0.4%	0.0%	-0.3%	0.0%
Giá trị	96	5	3	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1770.
- ✓ Kháng cự: 1840 | 1900.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.

Kịch bản: Chỉ số lấy lại sắc xanh, song thanh khoản sụt giảm mạnh chưa xác nhận động lực mua lên. Trạng thái rung lắc kiểm định cung cầu khả năng vẫn tiếp diễn, với kháng cự biên trên là ngưỡng 1840 điểm, trong khi hỗ trợ biên dưới là ngưỡng 1775 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 1990 | 2050.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số lấy lại sắc xanh, song thanh khoản sụt giảm mạnh chưa xác nhận động lực mua lên. Trạng thái rung lắc, kiểm định cung cầu khả năng còn tiếp diễn, với kháng cự biên trên là ngưỡng 1990 điểm, trong khi hỗ trợ biên dưới là ngưỡng 1920 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	BVH	WATCH	Current price	69.70	P/E (x)	17.5
			Watch zone	67 - 68	P/B (x)	2.0
Exchange	HOSE		Target price	74	EPS	3976.5
			Cut loss price	64.5	ROE	12.1%
Sector	Life Insurance				Stock Rating	BB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA10, 20 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền cải thiện.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal, cùng với RSI vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- ➔ Xu hướng giá đã vượt vùng cản 68 và đang hạ nhiệt kiểm định.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh về khu vực 67 – 68, nếu phản ứng kiểm định tốt có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	BVH	Theo dõi	23/09/2026	69.7	67 - 68	-	74	9.6%	64.5	-4.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PLX	Mua	15/09/2026	-	36.5	36.2 - 36.7	0.1%	40	9.7%	34.6	-5.1%	
2	PVD	Mua	15/09/2026	-	19.15	19.2 - 19.5	-1.0%	21.5	11.1%	18.3	-5.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1962.9, tăng 13.9 điểm (+0.7%). Giá giữ đà phục hồi, dù trải qua nhiều rung lắc trong phiên.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD thu hẹp với đường signal, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi. Tuy nhiên, ngưỡng 1970 đang cho thấy vai trò kháng cự mạnh. Theo đó, vị thế Long chỉ nên cân nhắc khi vận động bút phá và củng cố được trên ngưỡng 1970. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1948.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1861.7, tăng 18.0 điểm (+0.9%). Độ lệch basis 4.8 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 108 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1850 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1875 điểm.

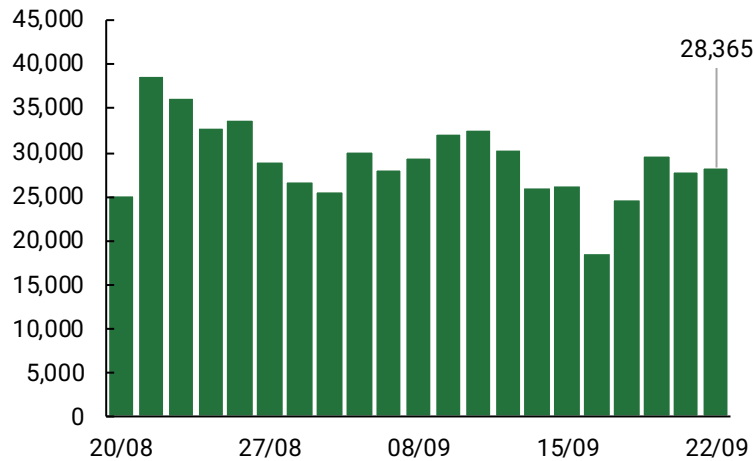
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1970	1985	1962	15 : 8
Short	< 1948	1934	1955	14 : 7

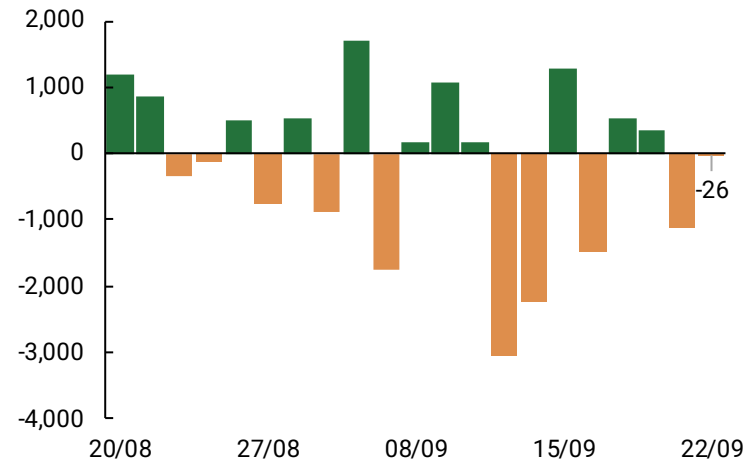
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,960.5	24.4	32	283	1,982.3	-21.8	18/03/2027	177
4111GC000	1,964.2	23.5	50	700	1,973.6	-9.4	17/12/2026	86
4111GB000	1,961.0	19.8	324	339	1,970.9	-9.9	19/11/2026	58
4111GA000	1,962.9	13.8	258,176	28,365	1,967.6	-4.7	15/10/2026	23
4112GA000	1,861.7	17.5	108	82	1,859.0	2.7	15/10/2026	23

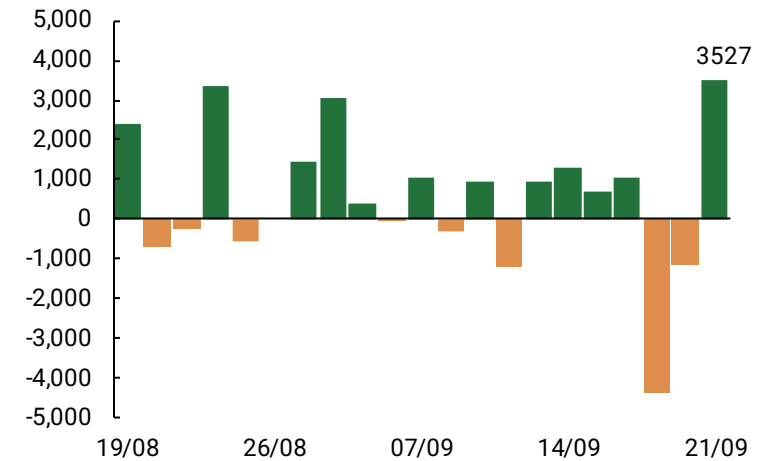
Khối lượng mở (Open interest)



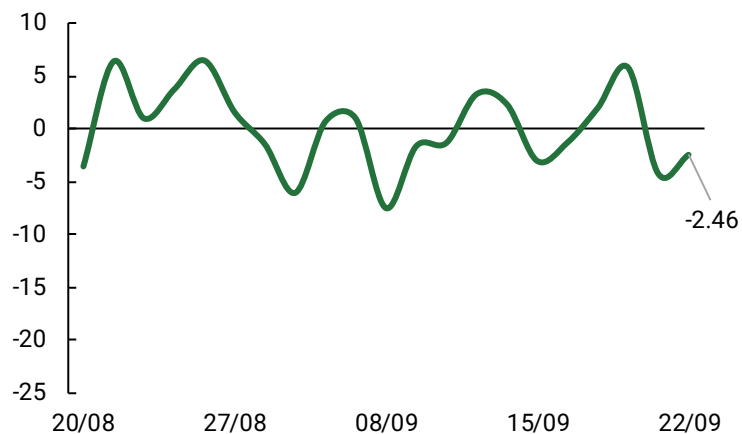
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



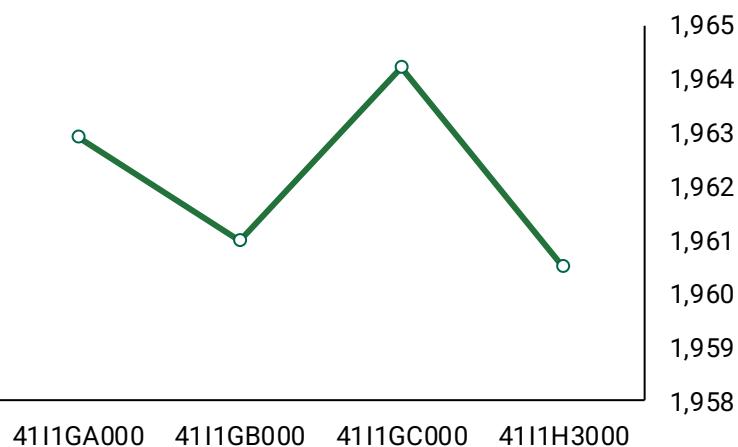
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



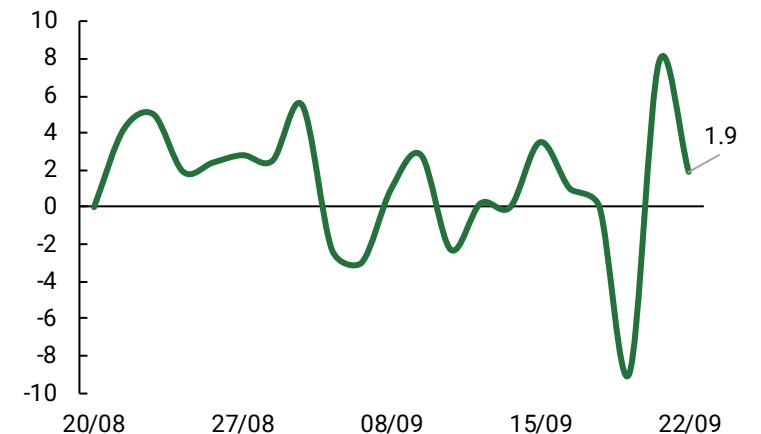
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Việt Nam - Mỹ tiến rất gần Hiệp định thương mại đối ứng: Trưởng Đại diện Thương mại Mỹ Jamieson Greer cho biết đàm phán Hiệp định Thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng giữa hai nước đã đạt nhiều tiến bộ và “đến rất gần kết quả cuối cùng”. Hai bên đang hướng tới sớm ký kết thỏa thuận nhằm tạo khuôn khổ ổn định, lâu dài cho quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư. Việt Nam cũng đề nghị Mỹ có cách tiếp cận tổng thể với các vấn đề thương mại còn tồn tại, trong đó có điều tra theo Mục 301.

UOB nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026 lên 8.5%: UOB nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm nay từ 7% lên 8.5% sau kết quả tích cực trong nửa đầu năm. Ngân hàng đánh giá đầu tư hạ tầng, FDI, nhu cầu liên quan đến AI và xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng sang ASEAN là những động lực quan trọng. Tuy nhiên, nhập khẩu năng lượng và máy móc tăng nhanh, chính sách thương mại của Mỹ, giá dầu và tiến độ giải ngân đầu tư công vẫn là các yếu tố cần theo dõi.

Hormuz gần như tê liệt, chỉ 17 tàu lớn đi qua trong 2 ngày: Theo dữ liệu vận tải được Reuters dẫn lại, chỉ 17 tàu thương mại cỡ lớn đi qua eo biển Hormuz trong hai ngày cuối tuần, giảm từ 37 tàu cuối tuần trước và thấp hơn rất nhiều so với khoảng 125 tàu/ngày trước xung đột. Trước chiến sự, khoảng 1/5 lượng dầu và LNG toàn cầu đi qua tuyến này. Trong tuần từ 13/9, 22 tàu chở dầu vẫn vận chuyển khoảng 42 triệu thùng dầu thô ra khỏi Vịnh Ba Tư qua Hormuz.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PDR - Sắp khởi công dự án 60,000 tỷ đồng ở Thủ Thiêm: Phát Đạt cho biết sẽ chính thức khởi công các khối 2-1 và 2-3 thuộc dự án Lotte Eco Smart City Thu Thiem vào ngày 23/10/2026. Hai khối này thuộc hợp phần thương mại - dịch vụ, do PDR đảm nhiệm phát triển toàn bộ, với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 171,580 m². Dự án dự kiến hoàn thành trong vòng 36 tháng, từ tháng 10/2026 đến tháng 10/2029.

MWG - Sắp chi gần 1,476 tỷ đồng cổ tức tiền mặt: Thế Giới Di Động chốt danh sách cổ đông vào ngày 8/10/2026 để trả cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, tương ứng 1,000 đồng/cp. Với gần 1.476 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, MWG dự kiến chi gần 1,476 tỷ đồng cho đợt cổ tức này; thời gian thanh toán dự kiến là 16/10/2026.

AST - Hai thành viên HĐQT từ nhiệm sau thương vụ Sojitz mua gần 28% vốn: Taseco Airs nhận đơn từ nhiệm của hai thành viên HĐQT là ông Kim HongJin và ông Lars Kjaer, sau khi các quỹ ngoại liên quan thoái toàn bộ vốn tại doanh nghiệp. Trước đó, gần 14.9 triệu cổ phiếu AST, tương đương 27.6% vốn điều lệ, được giao dịch thỏa thuận với tổng giá trị hơn 1,053 tỷ đồng; số cổ phần này dự kiến được chuyển nhượng cho tập đoàn Sojitz của Nhật Bản.

LDG - Hơn 1,500 tỷ đồng tiền gửi bị phong tỏa: LDG ghi nhận khoảng 1,561 tỷ đồng tiền gửi tại MB nhưng toàn bộ khoản tiền này đang bị phong tỏa, nên không thể sử dụng để thanh toán nghĩa vụ tài chính. Trong khi đó, doanh nghiệp có tổng cộng khoảng 850.6 tỷ đồng nợ gốc và lãi vay quá hạn, gồm các khoản vay tại Sacombank, VPBank và trái phiếu.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	31,350	31,150	-0.6%	Giảm tỷ trọng
CTG	30,950	40,700	31.5%	Mua
CTD	58,500	82,900	41.7%	Mua
DBD	46,900	66,000	40.7%	Mua
DDV	16,665	35,900	115.4%	Mua
DGW	45,100	47,500	5.3%	Nắm giữ
DPG	27,200	42,300	55.5%	Mua
DPR	37,600	46,500	23.7%	Mua
DRI	13,913	17,200	23.6%	Mua
EVF	11,450	14,400	25.8%	Mua
FRT	131,000	151,000	15.3%	Tăng tỷ trọng
GMD	77,400	88,900	14.9%	Tăng tỷ trọng
HAH	48,300	58,300	20.7%	Mua
HDG	16,050	30,900	92.5%	Mua
HHV	9,330	11,700	25.4%	Mua
HPG	21,150	31,600	49.4%	Mua
IMP	37,600	54,400	44.7%	Mua
KDH	16,000	38,800	142.5%	Mua
MCH	143,400	148,500	3.6%	Nắm giữ
MWG	72,800	115,600	58.8%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,100	27,500	36.8%	Mua
NLG	23,800	39,400	65.5%	Mua
NT2	20,750	27,700	33.5%	Mua
PHR	31,650	39,500	24.8%	Mua
PNJ	35,800	75,500	110.9%	Mua
PVS	33,200	33,250	0.2%	Nắm giữ
PVT	24,100	26,000	7.9%	Nắm giữ
POW	12,800	17,500	36.7%	Mua
SAB	44,650	54,900	23.0%	Mua
SSI	20,950	31,200	48.9%	Mua
TLG	53,500	50,000	-6.5%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,300	41,700	29.1%	Mua
TCM	15,950	35,300	121.3%	Mua
TRC	21,400	22,950	7.2%	Nắm giữ
VCB	58,900	79,700	35.3%	Mua
VPB	28,000	36,500	30.4%	Mua
VCG	14,350	23,300	62.4%	Mua
VHC	49,450	58,000	17.3%	Tăng tỷ trọng
VNM	61,200	66,650	8.9%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801